

Bản án số: 118/2018/DS-PT

Ngày: 11-5-2018

V/v tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Ông Nguyễn Ngọc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04/5/2018 và ngày 11/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2014/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hồ Văn O, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp K11, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Hồ Văn N, sinh năm 1960;

2.2. Nguyễn Thị O1, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: ấp K11, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Đường Võ Văn K, khóm 6, thị trấn Tràm C, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn N1. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 (là bị đơn trong vụ án).

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Hồ Văn O trình bày:

Vào năm 1989, ông Hồ Phước K1 (cha anh O, anh N) cho anh O diện tích đất 9.131m², tại thửa 323, tờ bản đồ số 7, thời điểm đó chưa đăng ký quyền sử dụng đất. Sau này anh O đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O772620, số vào sổ cấp giấy 01587/QSĐĐ/738/H do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 29-7-2002. Trong phần đất thửa 323 vào năm 1998, anh O cho anh N, chị O1 mượn một phần diện tích đất khoảng 3.000 m² (trong diện tích đất 9.131 m²) để sử dụng, việc cho mượn đất không làm giấy tờ.

Vào đầu năm 2012, địa phương chủ trương khép kín để sản xuất 3 vụ/ năm, anh O báo cho anh N, chị O1 đóng tiền bồi hoàn mất đất (do mức đất khép kín đề bao) cho hộ bị mất đất thì anh N, chị O1 không đồng ý đóng tiền nên anh O đòi lại đất. Anh N, chị O1 không đồng ý trả đất.

Từ năm 1988-1989 đến năm 2010, anh O thực hiện nghĩa vụ thuế tại địa phương.

Ngày 25-4-2002, anh N, chị O1 bán cho Tổ hợp tác diện tích đất 60 m² để làm đường nước tưới tiêu, giá 5.000 đồng/m², có sự đồng ý của anh O và anh O có ký tên vào Biên bản v/v thỏa thuận mua đất làm đường nước tưới tiêu ngày 25-4-2002. Thời điểm này anh O cho anh N, chị O1 mượn đất nên ghi trong biên bản là bán đất của anh N, anh O ký tên với tư cách là hộ kế cận. Đến nay số tiền bán đất (60 m²) chưa ai được nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh O đã đăng ký đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.131m² tại thửa 323; có ký hiệu số thửa BX027783, số vào sổ CH02363 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014

Nay anh O yêu cầu anh N, chị O1 trả diện tích đất theo xem xét, thẩm định tại chỗ 3.511 m² trong thửa 323, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 cùng trình bày:

Đất tranh chấp của ông Hồ Phước K1 (cha anh O và anh N). Năm 1989, anh N khai hoang diện tích đất của ông K1 khoảng 3.000 m², anh N và chị O1 canh tác từ năm 1989 đến nay.

Đất ông K1 canh tác rất nhiều nhưng khi khoảng những năm 1980 thì Nhà nước thu hồi đất tranh chấp cấp lại cho dân nên thu hồi đất của ông K1 cấp lại. Gia đình chúng tôi xin lại phần đất này cấp cho gia đình lúc đó là có 4 người gồm hai vợ chồng tôi và hai đứa con. Mỗi người được 5 công, bốn người là 20 công. Nhưng chúng tôi chỉ nhận 2 phần là 10 công theo diện tích đang tranh chấp. Còn đăng ký quyền sử dụng đất thì do đất một phần 4,3 công làm được trước nên đăng ký quyền sử dụng đất; phần còn lại là lung bario không canh tác được nên không đăng ký, cũng không có đóng thuế vì được Nhà nước miễn thuế.

Ngày 25-4-2002, Tổ hợp tác số 3, ấp K10, xã P yêu cầu anh N, chị O1 bán lại diện tích 60 m² để làm đường nước tưới tiêu công cộng, khi bán đất ông O cũng đồng ý, ký tên bán đất với tư cách là người giáp ranh.

Anh N, chị O1 xác nhận không có mượn đất của anh O.

Vào năm 2006, anh N và chị O1 kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Diện tích đất tranh chấp hàng năm có đóng thuế, đóng quỹ quốc phòng, nhưng không biết có đóng cho diện tích đất tranh chấp khoảng 3.000 m² này không.

Ngày 25-4-2002, anh N, chị O1 bán cho Tổ hợp tác diện tích đất 60 m² để làm đường nước tưới tiêu, giá 5.000 đồng/m², anh N và chị O1 đã nhận tiền xong tại nhà ông I do ông I giao tiền, việc giao nhận tiền không có ký nhận.

Nay anh N, chị O1 không đồng ý trả cho anh O diện tích đất theo xem xét, thẩm định tại chỗ 3.511 m².

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh A đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp có ý kiến:

Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn O ngày 29/7/2002 số vào sổ 01587/QSDĐ/738H, tại thửa 323, diện tích 9.131 m², tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã P được thực hiện đúng trình tự theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2014/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Áp dụng các Điều 25, Điều 33, Điều 128, Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013

- Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn O đối với anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1.

2. Buộc anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 trả lại cho anh Hồ Văn O diện tích đất 3.511m² thuộc một phần diện tích đất theo giấy chứng nhận 9.131m² thuộc thửa 323; tờ bản đồ số 7, có ký hiệu số thửa BX027783, số vào sổ CH02363 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 do anh O đứng tên giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ranh giới đất có vị trí cụ thể như sau:

(Đất tranh chấp trong phạm vi sơ đồ các mốc 15, 3, 4, 13, 14) như sau:

- Hướng Tây: Giáp đất ông N, bà O1 cạnh 38,8 mét, tính từ mốc (15) đến mốc (3);

- Hướng Bắc: Giáp đất Trần Thanh S cạnh 90 mét, tính từ mốc (3) đến mốc (4);

- Hướng Đông: Giáp đất đường nước do anh O đang tranh chấp cạnh 41 mét, tính từ mốc (4) đến mốc (5), mốc (13) và mốc (14);

- Hướng Nam: Giáp đất ông U, bà E 86 mét, tính từ mốc (15) đến mốc (14).

Tổng diện tích đất: 3.511 m².

(Có sơ đồ, biên bản đo đạc ngày 31 tháng 01 năm 2013 kèm theo)

3. Về án phí dân sự:

- Anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.022.000 đồng (bảy triệu, không trăm hai mươi hai ngàn đồng).

- Anh Hồ Văn O được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.100.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: 007957 ngày 17 tháng 12 năm 2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/12/2014 anh N, chị O1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Đến ngày 24/8/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án trên và tuyên sửa án sơ thẩm cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn O.

- Công nhận cho anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 được quyền sử dụng diện tích đất 3.511m² đang tranh chấp trên.

Sau khi xét xử phúc thẩm, anh O không đồng ý nên khiếu nại giám đốc thẩm.

Đến ngày 24/7/2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án trên và tuyên:

- Hủy bản án dân sự phúc thẩm số: 161/2015/DS-PT ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Hồ Văn N và Nguyễn Thị O1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Hồ Văn O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hồ Văn O trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử buộc anh N, chị O1 trả lại cho anh O diện tích theo đo đạc thực tế lại là 3.528m² thuộc một phần của thửa 323 cũ do anh O đứng tên (thửa mới là thửa 1319, tờ bản đồ số 07 do hộ ông N đứng tên) vì diện tích trên là của ông K1 (cha anh O, anh N) cho anh O đứng tên sử dụng; Sau đó đến năm 1998, anh O cho vợ chồng anh N, chị O1 mượn để canh tác, chứ không phải đất của anh N, chị O1 được Nhà nước cấp. Đồng thời, phần diện tích đất tranh chấp từ trước đến nay là do anh O đóng thuế cho Nhà nước (anh N, chị O1 thừa nhận việc này). Điều đó cho thấy phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của anh O là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh O, bác đơn kháng cáo của anh N, chị O1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến đối với vụ án: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Hồ Văn N và chị Nguyễn Thị O1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 58/2014/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần diện tích đất tranh chấp giữa anh Hồ Văn O với anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 trong vụ án này đã được xem xét, thẩm định tại chỗ lại vào ngày 23/01/2018, diện tích theo đo đạc thực tế là 3.528m² (đất lúa) thuộc thửa đất số 1319, tờ bản đồ số 07, đất lúa do hộ anh Hồ Văn N đứng tên chủ sử dụng vào ngày 15/02/2017 (theo thửa đất cũ diện tích tranh chấp là 3.511m² là thuộc một phần của thửa đất số 323, tờ bản đồ số 07 do anh Hồ Văn O đứng tên chủ sử dụng vào ngày 20/10/2014). Vị trí, tứ cận, số đo của diện tích 3.528m² đang tranh chấp theo như Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 23/01/2018 và Bản đo đạc hiện trạng đất tranh chấp, Sơ đồ mốc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký duyệt ngày 08/3/2018, đất tọa lạc tại ấp K11, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì anh N, chị O1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công nhận phần diện tích 3.528m² đất tranh chấp cho anh N, chị O1 được quyền tiếp tục sử dụng.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của anh N, chị O1 là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì anh N, chị O1 không có chứng cứ pháp lý nào khác để chứng minh diện tích 3.528m² đất đang tranh chấp trên là thuộc quyền sử dụng của anh N, chị O1, mà diện tích 3.528m² trên là thuộc quyền sử dụng của anh O và do anh O đứng tên sử dụng và anh O cho vợ chồng anh N, chị O1 mượn để canh tác vào năm 1998, điều này được chứng minh là phù hợp với lời khai trình bày của ông Hồ Phước K1 (cha anh O, anh N) và các lời khai của anh em anh O, anh N đều trình bày phần diện tích đất tranh chấp là của ông K1 cho anh O đứng tên sử dụng; Mặt khác, xét về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh O đối với thửa đất 323 của Ủy ban nhân dân huyện T và tại công văn số 466/UBND-NC ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T trả lời về việc cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực đất đai cho Tòa án như sau: Việc cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 323 (nay là thửa 1319) cho anh O là có đi khảo sát thực tế, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh O là thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đối tượng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Đồng thời, đối với diện tích phần đất tranh chấp từ trước đến nay là do anh O đóng thuế cho Nhà nước mà phía anh N, chị O1 không có đóng thuế, điều đó cho thấy đất tranh chấp trên là của anh O là hoàn toàn có căn cứ và đúng thực tế.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N và chị O1 trình bày nại cho rằng phần đất tranh chấp trên là do Tập đoàn xã P cấp cho anh N, chị O1 canh tác sử dụng nên anh chị không đồng ý trả đất lại cho anh O. Xét qua lời trình bày trên của anh N, chị O1 là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật đất đai năm 1987 thì Ủy ban nhân dân cấp huyện mới có thẩm quyền giao đất cho Hợp tác xã, Tập đoàn sản xuất và cá nhân để sử dụng lâu

dài vào sản xuất nông nghiệp. Do đó, việc tập đoàn xã P đứng ra giao phần đất trên cho anh N, chị O1 là không đúng thẩm quyền như đã phân tích trên nên lời trình bày trên của anh N, chị O1 là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên xét thấy có đủ căn cứ để xác định phần diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 3.528m² thuộc thửa đất số 1319, tờ bản đồ số 07 (thuộc một phần của thửa cũ 323) là thuộc quyền sử dụng đất của anh Hồ Văn O nên buộc anh N, chị O1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh O sử dụng đối với diện tích 3.528m² trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Xét lời trình bày của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh O tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận như đã phân tích trên của Hội đồng xét xử.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Đối với thửa đất số 1319, tờ bản đồ số 07 do hộ anh N đứng tên ngày 15/02/2017 là do Ủy ban nhân dân huyện T cấp theo bản án phúc thẩm số: 161/2015/DS-PT ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chứ những người trong hộ anh N không có quyền lợi gì đối với thửa đất trên, đồng thời tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 11/5/2018 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/5/2018, anh Hồ Văn T1 và chị Hồ Thị Kim Y (là các con trong hộ anh N) đều trình bày là phần đất tranh chấp trên từ trước đến nay anh chị không có quản lý, sử dụng mà do cha mẹ anh chị quản lý, sử dụng và phần đất tranh chấp là của cha mẹ anh chị, anh chị không có quyền lợi gì đối với phần đất tranh chấp và anh chị cũng không yêu cầu tranh chấp gì đối với phần đất tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét quyền lợi của anh T1, chị Y đối với thửa đất trên.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh O được chấp nhận nên anh O không phải chịu án phí và anh O được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí và phần án phí đã nộp theo thi hành án tại bản án phúc thẩm số: 161/2015/DS-PT ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, anh N, chị O1 bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự và không được chấp nhận kháng cáo nên anh N, chị O1 phải chịu án phí sơ thẩm là 7.022.000 đồng và án phí phúc thẩm kháng cáo là 200.000 đồng (tổng cộng anh N, chị O1 nộp tiền án phí là 7.222.000 đồng).

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh O tự nguyện chịu (anh O đã nộp chi xong).

[11] Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 91; Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 100, Điều 166 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2014/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn O đối với anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1.
4. Buộc anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Hồ Văn O sử dụng diện tích đất là 3.528m² (đất lúa) thuộc thửa đất số 1319, tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện T, Đồng Tháp cấp ngày 15/02/2017, số vào sổ cấp GCN: CH03658, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tứ cận của diện tích 3.528m² đang tranh chấp trên được thể hiện theo các mốc M1, M2, M3, M4 về M1 và tiếp giáp như sau:
 - Hướng Bắc: Tiếp giáp với đất của ông Trần Thanh S (bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nhận chuyển nhượng đất của ông S) có cạnh là 91,04m (81,09m + 9,95m).
 - Hướng Tây: Tiếp giáp với đất của bà Nguyễn Thị O1 có cạnh là 38,63m.
 - Hướng Nam: Tiếp giáp với đất của ông Trần Quốc U có cạnh là 86,71m.
 - Hướng Đông: Tiếp giáp với đất của ông Hồ Văn O có cạnh là 40,94m.(Kèm theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 23/01/2018 và Bản đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp, Sơ đồ mốc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký duyệt ngày 08/3/2018).
5. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.528m² (đất lúa) thuộc thửa đất số 1319, tờ bản đồ số 07 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện T, Đồng Tháp cấp ngày 15/02/2017, số vào sổ cấp GCN: CH03658, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Anh Hồ Văn O có quyền đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký lại để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.528m² đang tranh chấp trên theo luật định.

8. Về án phí:

- Anh Hồ Văn N, chị Nguyễn Thị O1 phải liên đới nộp 7.022.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm kháng cáo. Tổng cộng anh N, chị O1 phải liên đới nộp 7.222.000 đồng tiền án phí.

- Hoàn trả lại cho anh Hồ Văn O 7.022.000 đồng tiền án phí (trong đó gồm: 2.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh O đã nộp theo biên lai thu số: 007957 ngày 17/12/2012 và 4.922.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: 0012231 ngày 13/10/2015) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

9. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh O tự nguyện chịu (anh O đã nộp và chi xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giao